TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-4 - 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Dương Thị Lan Anh
2. Ông Giàng Seo Hồng.

-***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà*:** Ông Hoàng Văn Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/3/2025 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Ma Thị D, năm sinh 1994
Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Ngọc - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Sùng Seo P, năm sinh 1981
Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ma Thị D trình bày:

+Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị D và anh Sùng Seo P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, việc chung sống của anh chị là tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống nên hay cãi chửi nhau, lâu dần không tìm được tiếng nói chung giữa vợ chồng. Nay tình cảm giữa chị và anh P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sùng Seo P.

+ Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị D và anh P có 03 con chung gồm: Cháu Sùng Thị C , sinh ngày 15/12/2014; cháu Sùng Thị L, sinh ngày 30/01/2016 và cháu Sùng Vang P, sinh ngày 06/12/2017. Sau khi ly hôn, chị đề nghị giải quyết cho chị được nuôi cháu C, cháu L vì các cháu là con gái nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ hơn; anh P được nuôi cháu Phương; chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Về chỗ ở chị và anh P có nhà riêng tại thôn Lao Chải Phà Hai Tủng, xã Tả Van Chư, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

+Về quan hệ tài sản: Chị Ma Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai bị đơn anh Sùng Seo P trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh P nhất trí với chị Ma Thị D trình bày về thời gian và quá trình chung sống giữa anh và chị D. Do kinh tế khó khăn nên anh và chị D đã đi làm thuê, sau đó vì không thích đi làm thuê nên chị D đã về nhà, thời gian sau anh gọi điện thì chị D không nghe máy, từ đó tình cảm vợ chồng cứ nhạt dần, chị D không quan tâm và xa lánh anh. Nay chị D làm đơn xin ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi các con, anh không đồng ý ly hôn.

+ Về nuôi con khi ly hôn: Anh P nhất trí với chị D trình bày về con chung, nếu chị D cứ nhất quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng cả ba cháu: Sùng Thị C , cháu Sùng Thị L, cháu Sùng Vang P cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi nuôi cháu P 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Pđủ 18 tuổi.

Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên: Cháu Sùng Thị C , cháu Sùng Thị L đều có nguyện vọng được ở với chị D; cháu Sùng Vang P có nguyện vọng được ở với anh P.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

+Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

+Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

+ Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa chị Ma Thị D và anh Sùng Seo P là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao cháu Sùng Thị C , sinh ngày 15/12/2014; cháu Sùng Thị L, sinh ngày 30/01/2016 cho chị Giàng Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Sùng Vang P, sinh ngày 06/12/2017 cho anh Sùng Seo P được trược tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị D và anh P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên theo qui định Pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, khoản 1,3 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1,3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Toà án.

+ Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa chị Ma Thị D và anh Sùng Seo P là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao cháu Sùng Thị C , sinh ngày 15/12/2014; cháu Sùng Thị L, sinh ngày 30/01/2016 cho chị Giàng Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Sùng Vang P, sinh ngày 06/12/2017cho anh Sùng Seo P được trược tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị D và anh P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án các đương sự đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án. Đến khi mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải bị đơn anh P vắng mặt. Khi Toà án mở phiên toà nguyên đơn chị D có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị D và anh Sùng Seo P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, cho đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân cấp có thẩm quyền là vi phạm pháp luật về Hôn nhân và gia đình. Như vậy hôn nhân giữa chị D và anh P là hôn nhân không hợp pháp; nay anh chị phát sinh mâu thuẫn, chị D xin ly hôn. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Ma Thị D và anh Sùng Seo P là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị D và anh P đều thừa nhận anh chị có 03 con chung gồm: Cháu Sùng Thị C , sinh ngày 15/12/2014; cháu Sùng Thị L, sinh ngày 30/01/2016 và cháu Sùng Vang P, sinh ngày 06/12/2017, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện cháu C, cháu L đang ở cùng chị D và đều có ý kiến xin được ở với chị D; cháu P ở cùng anh P. Sau khi ly hôn chị D đề nghị được nuôi dưỡng cháu C, cháu L; anh P đề nghị được nuôi dưỡng cả ba cháu và yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi cháu P 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Xác minh tại địa phương nơi chị D và anh P cư trú thì hiện anh chị có ba con chung, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện chị D và anh P đều làm ruộng nương và làm thuê thêm, mức thu nhập lao động cùng loại như vậy tại địa phương khoảng 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/01 tháng. Anh P, chị D đều đủ điều kiện nuôi con.

Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì cả chị D và anh P đều có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung như nhau, hiện anh chị có ba con chung, do các cháu còn nhỏ nên việc giao con chung cho chị D và anh P cùng có trách nhiệm nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên yêu cầu của chị D cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị D và anh P đều phải có trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị D và anh P.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Ma Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, khoản 1,3 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1,3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Ma Thị D và anh Sùng Seo P là vợ chồng.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Sùng Thị C, sinh ngày 15/12/2014; cháu Sùng Thị L, sinh ngày 30/01/2016 cho chị Ma Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Sùng Vang P, sinh ngày 06/12/2017 cho anh Sùng Seo P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị D và anh P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Ma Thị D phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003899 ngày 21/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Chị Ma Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà (2);
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thu Hương